

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 7 - 2023

“V/v ly hôn giữa chị D- anh S”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Sâm.

2. Ông Nguyễn Duy Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Công Huân- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐHPT-ST ngày 04/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn Ch, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn S, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

(Chị D có đơn xin xử án vắng mặt, anh S vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là chị Bùi Thị D trình bày: Chị và anh Vũ Văn S tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình vào năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và lao động tự do tại xã A. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng tính tình không hợp, anh S có hành vi bạo lực gia đình đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2020 mâu thuẫn càng tăng, chị và anh S sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, chị làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị D khai chị và anh S có 02 con chung là Vũ Văn Ph, sinh ngày 02/02/2015 và Vũ Khánh H, sinh ngày 10/12/2017, hai con chung hiện đang do anh S trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ly hôn xảy ra chị đề nghị để anh S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do chị không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, chị đề nghị được tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị D khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Vũ Văn S: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh S biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh S vẫn vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh S và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh S vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải là chấp hành chưa tốt các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị D được ly hôn anh S; Về con chung: Xử giao hai con chung cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D. Về tài sản chung do chị D và anh S không yêu cầu giải quyết tài sản chung vì vậy không đặt ra giải quyết; Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn Tr, xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn gửi Tòa án xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần 2; Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị

đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị D và anh Vũ Văn S được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình vào năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị D và anh S sinh sống tại xã A và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Năm 2020 mâu thuẫn càng tăng, chị D trở về xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn. Còn đối với anh S quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh S biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh S vắng mặt. Qua xác minh lời khai bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ anh S và ông Phạm Đăng T5 là công chức Tư pháp xã A đã cung cấp và xác nhận anh S đăng ký hộ khẩu và cư trú cùng gia đình tại thôn Tràng, xã A, hiện tại anh S đi làm ăn tự do không cố định địa chỉ nhưng vẫn thường xuyên đi về. Quan điểm của bà V và ông T5 đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân để giải quyết yêu cầu của chị D theo quy định của pháp luật. Đối với chị D tại phiên tòa lần 2 chị có đơn xin xử án vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh S. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn anh S là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị D và anh S có 02 con chung là Vũ Văn Ph, sinh ngày 02/02/2015 và Vũ Khánh H, sinh ngày 10/12/2017. Quá trình tố tụng và qua xác minh cho thấy hai con chung hiện đang do anh S trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân và đang ổn định học tập tại xã A. Quan điểm của bà V và ông T5 đề nghị Tòa giao 02 con chung cho anh S được nuôi dưỡng thì sẽ đảm bảo đời sống con chung, tại biên bản lấy lời khai cháu Ph cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Xét thấy chị D cũng có nguyện vọng giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay và đề nghị tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện tại chị không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy cần xử giao 02 con chung cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án tiếp tục giải quyết là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị D và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Vũ Văn S.

2/Về con chung: Xử giao 02 con chung Vũ Văn Ph, sinh ngày 02/02/2015 và Vũ Khánh H, sinh ngày 10/12/2017 cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng. tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án tiếp tục giải quyết.

Chị D có quyền thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị D, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005788 ngày 05/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị D và anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã A;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC